

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐÀ NẴNG THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

EVALUATION CRITERIA FOR SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT IN DA NANG CITY

Lê Đức Viên

Văn phòng đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng; vienld@gmail.com

Tóm tắt - Bài báo này trình bày khung lý thuyết về phát triển du lịch bền vững, nêu rõ các tiêu chí cụ thể đánh giá phát triển du lịch bền vững. Từ đó, đề xuất các phương thức đánh giá để biết rõ hoạt động phát triển du lịch có thực sự bền vững hay không, bao gồm phương thức xác định sức chứa, phương thức đánh giá dựa vào bộ chỉ tiêu môi trường của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), phương pháp PRA - đánh giá nhanh tính bền vững của phát triển du lịch dựa vào các chỉ tiêu môi trường. Trên cơ sở khung lý thuyết này đánh giá thực tiễn phát triển du lịch tại Đà Nẵng và nêu rõ những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch theo hướng bền vững tại Đà Nẵng thời gian qua, làm tiền đề để đưa ra những giải pháp hữu hiệu phát triển du lịch trong thời gian đến, bao gồm: bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội, bền vững về môi trường.

Từ khóa - tiêu chí đánh giá du lịch bền vững; nhân tố ảnh hưởng du lịch bền vững; phát triển du lịch bền vững ở Đà Nẵng; bền vững về kinh tế; bền vững về xã hội; bền vững về môi trường.

Abstract - This article presents a theoretical framework for sustainable tourism development, outlining the specific criteria to evaluate the development of sustainable tourism. And then, the article proposes methods of evaluation to know whether the tourism development activities are sustainable or not. They are the method for determining capacity, method of assessment based on the environmental indicators of the World Tourism Organization (UNWTO) and PRA (Participatory Rapid appraisal) method. Based on this framework, the article assesses the situation of sustainable tourism development in Da Nang city in the past as a basis for suggesting effective measures for the future sustainable tourism: economic sustainability; social sustainability; environmental sustainability.

Key words - Evaluation criteria of sustainable tourism; factors that affect sustainable tourism; sustainable tourism development in Da Nang; economic sustainability; social sustainability; environmental sustainability.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, thế giới đang đứng trước những thách thức to lớn của thời đại như sự biến đổi khí hậu, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên. Điều này đòi hỏi các quốc gia phải sử dụng có trách nhiệm các nguồn lực của mình, đặc biệt là nguồn lực tự nhiên và nhân văn. Trong bối cảnh đó, phát triển du lịch theo hướng bền vững trở thành xu thế chung và cũng là giải pháp tối ưu cho việc phát triển ngành du lịch.

Đà Nẵng có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch như lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, nguồn tài nguyên du lịch phong phú. Vì vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ 20 đã xác định: Xây dựng ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có đóng góp to lớn trong cơ cấu GDP của thành phố. Tuy nhiên, quá trình phát triển du lịch thành phố chưa bền vững, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển du lịch với giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường, chưa có sự cân đối hài hòa giữa khai thác và tái tạo các nguồn lực du lịch... Do đó, việc tìm ra lời giải cho bài toán **Làm thế nào để phát triển du lịch một cách bền vững** là một đòi hỏi cấp bách đối với thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay.

2. Khung lý thuyết

2.1. Khái niệm phát triển du lịch bền vững

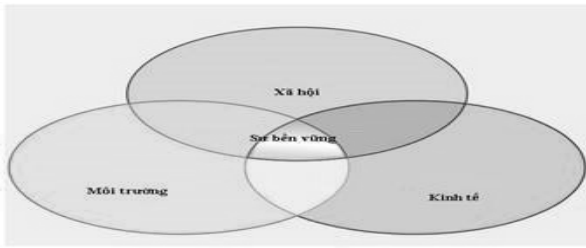
Hiện nay, trên thế giới vẫn chưa thống nhất về khái niệm "phát triển du lịch bền vững". Theo Hens L, 1998 thì *"Du lịch bền vững đòi hỏi phải quản lý tất cả các dạng tài nguyên theo cách nào đó để chúng ta có thể đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hoá, các quá trình sinh thái cơ bản, đa dạng sinh học và các hệ đảm bảo sự sống"* [1].

Theo Machado (2003): *"Các hình thức du lịch đáp ứng nhu cầu hiện tại của khách du lịch, ngành du lịch và cộng đồng địa phương nhưng không ảnh hưởng tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. Du lịch khả thi về kinh tế nhưng không phá huỷ tài nguyên mà tương lai của du lịch phụ thuộc vào đó, đặc biệt là môi trường tự nhiên và kết cấu xã hội của cộng đồng địa phương"* [2].

Tổ chức Du lịch Thế giới UNWTO định nghĩa: *"Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi vẫn duy trì được toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học, sự phát triển của các hệ sinh thái và hệ thống hỗ trợ cuộc sống con người"* [3].

Như vậy, bản chất của phát triển du lịch bền vững là sự tổng hòa, giao thoa của ba thành tố: sự tăng trưởng kinh tế ổn định; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống. Có thể mô hình hóa phát triển du lịch bền vững qua sự giao nhau của 3 vòng tròn: bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội, bền vững về môi trường.

Nhìn chung, những quan điểm trên đều coi phát triển du lịch bền vững là một nhánh của phát triển bền vững nói chung. Phát triển du lịch bền vững là hoạt động phát triển du lịch ở một khu vực cụ thể sao cho nội dung, hình thức và quy mô là thích hợp và bền vững theo thời gian, không làm suy thoái môi trường, không làm ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ các hoạt động phát triển khác.



Hình 1. Mô hình phát triển du lịch bền vững [4]

2.2. Các tiêu chí đánh giá

Việc xác định các dấu hiệu nhận biết về phát triển du lịch bền vững là công việc không hề đơn giản. Tuy nhiên, căn cứ vào những nguyên tắc cơ bản của phát triển du lịch bền vững, những đặc điểm của hoạt động du lịch, các tiêu chí về phát triển du lịch bền vững cần được nghiên cứu và xem xét bao gồm:

2.2.1. Các tiêu chí về kinh tế

Phát triển du lịch bền vững phải đảm bảo sự tăng trưởng liên tục và ổn định lâu dài của chỉ tiêu kinh tế du lịch. Các chỉ tiêu kinh tế được thể hiện như sau:

- *Chỉ số về mức chi tiêu và số ngày lưu trú trung bình của khách gia tăng*

Những khu vực, quốc gia nơi du lịch được coi là ngành kinh tế chủ đạo, các nhà quản lý, điều hành kinh doanh du lịch có xu hướng quan tâm đến chỉ số về mức chi tiêu trung bình và thời gian lưu trú của khách hơn là chỉ số về số lượng khách. Điều này cho phép vẫn đảm bảo sự tăng trưởng về doanh thu du lịch trong khi hạn chế được chi phí cho việc phải phục vụ một lượng khách lớn hơn và hạn chế các tác động đến môi trường. Như vậy có thể thấy chỉ số về mức chi tiêu và số ngày lưu trú trung bình của khách du lịch ngày càng cao thì hoạt động phát triển du lịch sẽ được xem là càng có tính bền vững.

- *Số lượng (tỷ lệ) khách du lịch quay trở lại*

Dấu hiệu về lượng khách (tỷ lệ khách) quay trở lại là dấu hiệu quan trọng về phát triển du lịch bền vững. Chỉ số này thường có được thông qua việc tiến hành các cuộc điều tra, phỏng vấn khách du lịch tại các điểm du lịch trên toàn lãnh thổ hoặc thông qua các hãng lữ hành trên toàn quốc để tổ chức các cuộc phỏng vấn. Tỷ lệ khách du lịch quay trở lại càng cao chứng tỏ rằng hoạt động du lịch tại khu vực đó, quốc gia đó đang phát triển đúng hướng và có hiệu quả. Điều này càng quan trọng đối với những đối tượng khách du lịch từ những thị trường có khả năng chi trả cao, có thời gian lưu trú dài ngày.

- *Mức độ hài lòng của khách*

Một nền du lịch bền vững không thể dựa trên những sản phẩm du lịch kém chất lượng, không để lại trong lòng du khách những ấn tượng tốt sau những chuyến tham quan, du lịch. Chính vì vậy mức độ hài lòng của du khách sẽ là dấu hiệu quan trọng về trạng thái bền vững của hoạt động du lịch. Đây cũng chính là mục tiêu phát triển du lịch bền vững nhằm đưa lại cho du khách những chuyến đi có chất lượng.

Để xác định dấu hiệu này cần thiết phải tổ chức các cuộc điều tra xã hội học với khách du lịch. Kết quả điều tra sẽ là cơ sở để có những điều chỉnh phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững từ góc độ kinh tế.

2.2.2. Các tiêu chí về tài nguyên - môi trường

Phát triển du lịch bền vững phải khai thác và sử dụng một cách hợp lý, có hiệu quả các tiềm năng tài nguyên và điều kiện môi trường. Với mục tiêu này, trong quá trình phát triển, ngành du lịch phải có những đóng góp tích cực cho công tác tôn tạo nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường. Các tiêu chí thành phần bao gồm:

- *Số lượng (tỷ lệ) các khu, điểm du lịch được đầu tư tôn tạo, bảo vệ*

Mục tiêu của phát triển bền vững là nhằm hạn chế tối đa việc khai thác quá mức và lãng phí các nguồn tài nguyên, đặc biệt là các tài nguyên tự nhiên không tái tạo. Chính vì vậy, số lượng (tỷ lệ) các khu, điểm du lịch được đầu tư bảo vệ, tôn tạo được coi là một trong số các dấu hiệu về sự phát triển bền vững của hoạt động du lịch. Khu vực nào, quốc gia nào càng có nhiều khu, điểm du lịch được đầu tư bảo vệ, tôn tạo chứng tỏ hoạt động phát triển du lịch ở khu vực, quốc gia đó càng gần với mục tiêu phát triển bền vững. Theo tổ chức Du lịch Thế giới - WTO, nếu tỷ lệ vượt quá 50% thì hoạt động du lịch được xem là trong trạng thái phát triển bền vững.

- *Áp lực môi trường tại các khu, điểm du lịch được quản lý*

Việc quản lý và hạn chế những áp lực lên môi trường và các nguồn tài nguyên được xác định thông qua các biện pháp quản lý và giảm thiểu chất thải, mức độ kiểm soát các hoạt động phát triển bao gồm các hoạt động phát triển, bảo tồn và duy trì tính đa dạng, trong đó việc duy trì các hệ sinh thái đặc hữu đang bị đe dọa là nền tảng cơ bản cho sự phát triển du lịch theo hướng bền vững.

- *Mức độ đóng góp từ thu nhập du lịch cho nỗ lực bảo tồn phát triển tài nguyên, bảo vệ môi trường*

Du lịch là một ngành kinh tế có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. Chính vì vậy tỷ lệ doanh thu mà ngành du lịch trích lại cho cơ quan chủ quản các nguồn tài nguyên du lịch càng cao, chứng tỏ khả năng phối hợp liên ngành tốt. Việc đánh giá phát triển du lịch bền vững cần dựa trên yếu tố này. Kết quả thu được có thể có xác suất do nhiều khi doanh thu du lịch trích lại không được dùng vào mục tiêu bảo tồn, tôn tạo các nguồn tài nguyên, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, nhưng phần nào cũng thể hiện nội dung của phát triển bền vững.

2.2.3. Các tiêu chí về xã hội

Phát triển du lịch bền vững về mặt xã hội thể hiện trên những khía cạnh sau:

- *Mức độ hài lòng cộng đồng địa phương đối với hoạt động du lịch*

Hoạt động phát triển du lịch sẽ bền vững nếu có được sự ủng hộ của cộng đồng địa phương. Chính vì vậy mức độ hài lòng của cộng đồng sẽ phản ánh trạng thái bền vững của hoạt động du lịch trong phát triển. Để đạt được sự hài lòng của cộng đồng, vai trò của cộng đồng phải được phát huy cũng như đem lại lợi ích cho cộng đồng, cụ thể: Phát huy vai trò của cộng đồng địa phương trong xây dựng, triển khai quy hoạch phát triển du lịch, nâng cao mức sống của cộng đồng nhờ có hoạt động của du lịch, phúc lợi xã hội chung của cộng đồng được nâng lên.

Để xác định được dấu hiệu này, cần tiến hành điều tra,

phòng vấn cộng đồng. Kết quả điều tra sẽ là căn cứ để điều chỉnh hoạt động, sao cho phát triển hoạt động du lịch mang tính bền vững hơn từ góc độ xã hội.

- Mức đóng góp của du lịch vào việc cải thiện cuộc sống của người dân địa phương

Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên sự phát triển bền vững của du lịch là việc đóng góp phát triển kinh tế, xã hội địa phương nơi có du lịch phát triển. Hoạt động du lịch chỉ thực sự bền vững khi mang đến cơ hội nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương, đồng thời hướng tới mục tiêu vì sự tiến bộ của cộng đồng dân cư.

2.3. Phương thức đánh giá tính bền vững của hoạt động du lịch

Để đánh giá tính bền vững của các hoạt động du lịch, cần phải có những phương thức thích hợp. Những phương thức này, một mặt là để đo sự thành công của công tác điều hành, quản lý du lịch, mặt khác, là để xây dựng hệ thống cảnh báo giúp cho các nhà quản lý phát hiện sớm tình trạng lâm nguy của một điểm du lịch, khu du lịch để đưa ra những giải pháp cụ thể, kịp thời và có hiệu quả. Hiện nay, các phương thức đánh giá tính bền vững của du lịch bao gồm:

2.3.1. Đánh giá tính bền vững dựa vào sức chứa

Có nhiều cách hiểu khác nhau về sức chứa. Theo D'Amore (1983), “*sức chứa là điểm trong quá trình tăng trưởng du lịch mà người dân địa phương bắt đầu thấy mất cân bằng do mức độ tác động xã hội không thể chấp nhận được của hoạt động du lịch*”. Shelby và Heberlein (1987) thì cho rằng “*sức chứa là mức độ sử dụng mà vượt qua nó thì vi phạm tiêu chuẩn môi trường*” [5].

Tổ chức Du lịch Thế giới UNWTO định nghĩa: “*Sức chứa là số lượng người tối đa đến tham quan một địa điểm du lịch trong cùng một thời điểm mà không gây thiệt hại tới môi trường sống, môi trường kinh tế và môi trường văn hoá xã hội, đồng thời không làm giảm sự thoải mái của du khách tham quan*”. Như vậy, sức chứa là số lượng người cực đại mà điểm du lịch có thể chấp nhận được, không gây suy thoái hệ sinh thái tự nhiên, không gây xung đột giữa cộng đồng dân cư địa phương với du khách và không gây suy thoái nền kinh tế của cộng đồng địa phương.

Tuy nhiên, theo Manning E.W. 1996 [6], phương pháp xác định sức chứa đối với ngành du lịch thường gặp những trở ngại do ngành du lịch phụ thuộc nhiều vào thuộc tính của môi trường, cuộc sống hoang dã... Mỗi thuộc tính có phản ứng riêng với những cấp độ khác nhau. Trong khi đó, hoạt động của con người tác động lên hệ thống du lịch có thể từ từ và có thể tác động lên những bộ phận của hệ thống du lịch với những cấp độ khác nhau. Bên cạnh đó, mọi môi trường du lịch là môi trường đa mục tiêu, cho nên phải tính đến cả việc sử dụng vào những mục đích khác nhau, đồng thời việc xác định chính xác mức độ sử dụng cho du lịch là rất khó khăn.

2.3.2. Đánh giá theo phương pháp PRA (Participatory Rapid appraisal - đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng) dựa vào bộ chỉ tiêu của Tổ chức Môi trường thế giới (UNWTO)

Một số chỉ tiêu đặc thù của điểm du lịch đã được UNWTO đưa ra nhằm đánh giá tính bền vững của một

điểm du lịch cụ thể.

Bảng 1. Các chỉ tiêu đặc thù của điểm du lịch

TT	Hệ sinh thái	Các chỉ tiêu đặc thù
1	Các vùng bờ biển	Độ suy thoái (% bãi biển suy thoái, bị xói mòn); Cường độ sử dụng (số người/1m bãi biển); Hệ động vật bờ biển/động vật dưới biển (số loài chủ yếu nhìn thấy); Chất lượng nước (rác, phân và lượng kim loại nặng).
2	Các vùng núi	Độ xói mòn (% diện tích bề mặt bị xói mòn); Đa dạng sinh học (số lượng các loài chủ yếu); Lối vào các điểm chủ yếu (số giờ chờ đợi).
3	Các điểm văn hoá (các cộng đồng, truyền thống)	Áp lực xã hội tiềm tàng (tỷ số thu nhập bình quân từ du lịch/số dân địa phương); Tinh mùa vụ (% số cửa hàng mở cửa quanh năm/tổng số cửa hàng); Xung đột (số vụ việc có báo cáo giữa dân địa phương và du khách).
4	Các đảo nhỏ	Lượng tiền tệ rò rỉ (% thua lỗ từ thu nhập trong ngành du lịch); Quyền sở hữu (% quyền sở hữu nước ngoài hoặc không thuộc địa phương đối với các cơ sở du lịch); Khả năng cấp nước (chi phí, khả năng cung ứng) Các thước đo cường độ sử dụng (ở quy mô toàn đảo cũng như đối với các điểm chịu tác động).

Nguồn: Manning E.W, 1996 [6]

Bộ chỉ tiêu của UNWTO đã được sử dụng ở nhiều nơi để đánh giá tính bền vững của một điểm du lịch và hoạt động du lịch. Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu không xác thực, khó đánh giá và rất khó xác minh chính xác. Vì vậy, việc áp dụng các chỉ tiêu này chưa thật rộng rãi.

Bằng phương pháp đánh giá PRA, UNWTO đưa ra bộ chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của du khách, đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên, đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế và đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội - nhân văn. Đây là phương thức đánh giá thuận lợi, dễ thực hiện, phù hợp với một địa phương, vùng lãnh thổ.

Bảng 2. Hệ thống chỉ tiêu môi trường dùng để đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch

Chỉ tiêu	Cách xác định
1. Bộ chỉ tiêu về đáp ứng nhu cầu của khách du lịch	+ Tỷ lệ % số khách trở lại/ tổng số khách; + Số ngày lưu trú bình quân/ đầu du khách; + Tỷ lệ % các rủi ro về sức khoẻ (bệnh tật, tai nạn) do du lịch/ số lượng du khách.
2. Bộ chỉ tiêu để đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên	+ % chất thải chưa được thu gom và xử lý; + Lượng điện tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa) + Lượng nước tiêu thụ/du khách/ngày (tính theo mùa) + % diện tích cảnh quan bị xuống cấp do xây dựng/tổng diện tích sử dụng do du lịch; + % số công trình kiến trúc không phù hợp với kiến trúc bản địa (hoặc cảnh quan)/tổng số công trình; + Mức độ tiêu thụ các sản phẩm động, thực vật quý hiếm (phổ biến-hiếm hoi-không có); + % khả năng vận tải sạch/khả năng vận tải cơ giới

Chỉ tiêu	Cách xác định
	(tính theo trọng tải).
3. Bộ chỉ tiêu đánh giá tác động lên phân hệ kinh tế	+ % vốn đầu tư từ du lịch cho các phúc lợi xã hội của địa phương so với tổng giá trị đầu tư từ các nguồn khác; + % số chỗ làm việc trong ngành du lịch dành cho người địa phương so với tổng số lao động địa phương + % GDP của kinh tế địa phương bị thiệt hại do du lịch gây ra hoặc có lợi do du lịch mang lại; + % chi phí vật liệu xây dựng địa phương/tổng chi phí vật liệu xây dựng; + % giá trị hàng hoá địa phương/tổng giá trị hàng hoá tiêu dùng cho du lịch.
4. Bộ chỉ tiêu đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội-nhân văn	+ Chỉ số Doxey; + Sự xuất hiện các bệnh/dịch liên quan tới du lịch; + Tệ nạn xã hội liên quan đến du lịch; + Hiện trạng các di tích lịch sử - văn hoá của địa phương (so với dạng nguyên thủy); + Số người ăn xin/tổng số dân địa phương; tỷ lệ % mất giá đồng tiền vào mùa cao điểm du lịch; + Độ thương mại hoá của các sinh hoạt văn hoá truyền thống (lễ hội, ma chay, cưới xin, phong tục, tập quán...) xác định thông qua trao đổi với các chuyên gia.

Nguồn: Manning E.W, 1996 [6]

3. Đánh giá hoạt động du lịch bền vững tại Đà Nẵng

Dựa vào phương pháp đánh giá PRA – đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng, tác giả đã tiến hành điều tra thông quan bảng hỏi với sự tham gia của 210 du khách. Bảng phương pháp thống kê, kết quả về tính bền vững của các hoạt động du lịch ở Đà Nẵng được thể hiện như sau:

3.1. Về đáp ứng nhu cầu của du khách

Sau khi khảo sát ý kiến của 210 khách du lịch với các mục đích khác nhau như: du lịch thuần túy, công tác kết hợp du lịch, thăm người thân,... khoảng 67,6% trả lời chắc chắn sẽ quay lại Đà Nẵng trong thời gian sớm nhất, 9,5% du khách trả lời sẽ không quay lại và có đến 22,1% du khách không chắc chắn có trở lại hay không. Mặc dù tỉ lệ khách quay lại chiếm phần lớn, nhưng con số 9,5% và 22,1% là vấn đề lớn khiến ngành du lịch phải suy nghĩ. Nguyên nhân chủ yếu là sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chưa có nhiều sản phẩm du lịch mới thu hút du khách.

Bảng 3. Khảo sát khả năng quay lại của du khách

Khả năng quay lại của du khách	Số phiếu	Tỷ lệ %
Có	142	67,6
Không	20	9,5
Không chắc chắn	48	22,1

3.1.1. Đánh giá về các sản phẩm/ điểm đến/ khu du lịch trong vùng

Bảng điều tra chỉ ra mức độ hài lòng của du khách về các loại hình du lịch tiêu biểu trên địa bàn Đà Nẵng và dựa vào thang điểm đánh giá từ 1 (không thích) đến 5 (rất thích). Theo kết quả có được, các dịch vụ tham quan, lưu trú và thưởng thức đặc sản ẩm thực được các du khách đánh giá tốt nhất. Các dịch vụ có thang điểm dưới 4 là mua sắm, giải trí và vận chuyển.

Bảng 4. Khảo sát về mức độ hài lòng của du khách đối với các loại hình dịch vụ

Loại hình dịch vụ	Điểm trung bình	Lựa chọn nhiều nhất
Tham quan	4,36	5
Lưu trú	4,57	5
Mua sắm	3,86	4
Ăn uống	4,25	4
Vui chơi	3,41	3
Giải trí	4,18	5
Lữ hành, vận chuyển	3,9	4

3.1.2. Đánh giá về thời gian lưu trú của du khách

Bảng 5. Kết quả khảo sát thời gian lưu trú của du khách

Thời gian lưu trú	Số phiếu	Tỷ lệ %
Dưới 5 ngày	53	30
Từ 5 đến 10 ngày	127	60,5
Trên 10 ngày	20	9,5
Số du khách trả lời	210	100

Theo kết quả khảo sát, du khách lưu trú từ 5 - 10 ngày chiếm tỉ lệ khá cao 60,5% (127 phiếu) do hầu hết du khách đến Đà Nẵng đều đi theo chương trình tour 6 ngày 5 đêm, dưới 5 ngày chiếm 30% (53 phiếu) và trên 10 ngày chiếm 9,5% (20 phiếu).

3.2. Đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ sinh thái tự nhiên

Đóng góp của ngành du lịch đối với nền kinh tế thành phố là rất lớn. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của du lịch cùng với xu hướng du lịch đại trà đã gây nên những tác động tiêu cực, riêng với môi trường là rất nặng nề.

Trong một đánh giá tác động về môi trường, Chi cục Bảo vệ tài nguyên môi trường Đà Nẵng nhìn nhận việc phát triển du lịch và xây dựng cơ sở hạ tầng đã ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi tự nhiên, như việc xây dựng các dự án du lịch, đường giao thông bên trong và lân cận khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà đã làm chia cắt sự liên tục của một số khu rừng.

Các hoạt động dịch vụ du lịch cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, mà trực tiếp là tác động đến hệ sinh thái các khu bảo tồn thiên nhiên, hệ sinh thái dưới nước ở nhiều khu vực như Bãi Bụt, Hòn Súp, Bãi Lờ, Bãi Nam... Ngoài ra, mặt nước vùng ven bờ đã bị thu hẹp, chất lượng và môi trường nước ngầm bị ảnh hưởng.

3.3. Đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ kinh tế

Năm 2014, Đà Nẵng đón 3,44 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế đạt 840.000 lượt, khách nội địa đạt 2,6 triệu lượt với tổng doanh thu đạt trên 21.658,8 tỷ đồng, trong đó có 1.872 tỷ đồng ngoại tệ.

Ngành du lịch đã tạo cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người dân, xoá đói giảm nghèo. Đến nay, tổng lao động ngành du lịch trên địa bàn thành phố khoảng 14.000 người.

Cùng với sự phát triển của du lịch là sự khởi sắc của nền kinh tế nhờ vào việc cung cấp các sản phẩm, hàng hoá phục vụ cho du lịch. Qua đó, các món ăn truyền thống, hải sản tươi ngon không ngừng phát triển phong phú như mỳ

Quảng, bún chả cá, bánh tráng cuốn thịt heo, bánh xèo, chả bò, tré, hến xào, cơm gà, bánh canh,... và nhiều hàng hoá công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, đồ cổ phục vụ, nông sản phát triển đa dạng. Thông qua hoạt động du lịch, các làng nghề truyền thống đã được duy trì và ngày càng phát triển như làng đá mỹ nghệ thuộc phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn với truyền thống trên 300 năm, làng chiếu Cẩm Nê, làng nón La Bông, làng làm bánh khô mè Cẩm Lệ.

Du lịch góp phần quan trọng thúc đẩy hoạt động thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, dịch vụ với hàng loạt khách sạn mới như Olalani Resort & Condotel, Mường Thanh Hotel, Melia Danang, Pulchra Danang,... cùng 16 đường bay quốc tế đi vào hoạt động, mang đến nguồn ngân sách không nhỏ cho thành phố.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, du lịch cũng có những tác động tiêu cực lên phân hệ kinh tế, đó là: Sự rò rỉ hiệu quả bội, thâm hụt cán cân thương mại bởi vì hầu hết các khu nghỉ dưỡng hoặc các khách sạn 5 sao đều thuộc sở hữu của các công ty hay tập đoàn quốc tế; Nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành du lịch ở Đà Nẵng còn hạn chế, nên hầu hết phải tuyển dụng lao động từ nơi khác đến.

3.4. Đánh giá tác động của du lịch lên phân hệ xã hội - nhân văn

Qua xem xét, đánh giá quá trình phát triển du lịch ở Đà Nẵng thời gian qua, có thể nhận thấy tác động của du lịch lên phân hệ xã hội nhân văn mang nhiều tính tích cực.

Thứ nhất, du lịch đã góp phần giải quyết việc làm cho người dân địa phương.

Thứ hai, du lịch là một ngành kinh tế không chỉ mang lại việc làm cho nhiều phụ nữ, mà còn mang lại nhiều cơ hội to lớn vì sự tiến bộ của phụ nữ Đà Nẵng. Trong tổng số lao động ngành du lịch thành phố có khoảng 14.000 người. Trong đó, tỷ lệ nữ chiếm 62%. Lao động nữ tập trung vào các nghề như: phục vụ khách sạn, nhà hàng, đại lý du lịch, thông tin giải trí. Trong đó, tỷ lệ lao động nữ trong khối nhà hàng, khách sạn chiếm trên 71%, phục vụ buồng, chăm sóc sắc đẹp chiếm 95%. Tỷ lệ nữ trong ngành du lịch thành phố giữ cương vị lãnh đạo, quản lý ngày một tăng. Có thể nói, sự phát triển của ngành du lịch Đà Nẵng đã tạo ra cơ hội cho người lao động nói chung, người lao động nữ nói riêng có cơ hội vươn lên, đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Thứ ba, du lịch góp phần nâng tầm hiểu biết chung về văn hoá - xã hội. Du lịch là một trong những phương tiện hàng đầu để trao đổi văn hoá, tạo cơ hội cho mỗi con người được trải nghiệm. Đồng thời, du lịch cũng là một động lực tích cực cho việc bảo vệ di sản thiên nhiên, văn hoá bằng các hoạt động gây quỹ, giáo dục cộng đồng và tác động đến chính sách. Hoạt động du lịch góp phần khơi dậy các tiềm năng văn hoá giàu có và phong phú. Nhờ có du lịch, hằng năm trung bình ba triệu du khách quốc tế đến Đà Nẵng tham quan, họ được hiểu sâu sắc hơn về đất nước và con người nơi đây.

Có thể nhận thấy tác động của du lịch lên phân hệ xã hội - nhân văn mang nhiều tính tích cực hơn là tiêu cực. Các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm luôn nằm trong tầm kiểm soát của thành phố. Các hoạt động văn hoá truyền thống như các phong tục, tập quán, lễ hội được giữ gìn, phát triển mà không bị mai một, thương mại hoá. Chất lượng của các di tích văn hoá, lịch sử được cải thiện.

Tóm lại, nghiên cứu, khảo sát thực trạng phát triển du lịch những năm gần đây cho thấy, du lịch Đà Nẵng đang ở giai đoạn đầu của *giai đoạn phát triển* (development). Số lượng khách du lịch tăng nhanh, nhiều dự án đầu tư phát triển du lịch được triển khai. Các mối quan hệ giữa khách du lịch với người dân địa phương, giữa các cơ sở kinh doanh du lịch địa phương và ngoài địa phương, giữa các cơ sở kinh doanh du lịch với các cơ sở không tham gia kinh doanh du lịch vẫn còn thân thiện. Trên thực tế, các mâu thuẫn, xung đột vẫn chưa xuất hiện. Xét về chỉ số Doxey, sự phát triển về du lịch ở Đà Nẵng hiện nay vẫn còn trong giới hạn kiểm soát được. Quan hệ giữa du khách và người dân địa phương vẫn cởi mở, thân thiện.

Như vậy, theo phương pháp PRA, sự phát triển du lịch hiện nay ở Đà Nẵng được đánh giá là vẫn nằm trong tầm kiểm soát, vẫn có tính bền vững tuy không cao. Một số chỉ tiêu như tỷ lệ du khách quay trở lại, số ngày lưu trú, mức độ hài lòng của du khách cần phải được quan tâm và không ngừng tìm kiếm các giải pháp để nâng cao mức độ hài lòng của du khách, giữ chân họ ở lại thành phố lâu hơn. Nhìn chung, phát triển du lịch ở Đà Nẵng vẫn đáp ứng được nhu cầu của du khách, phân hệ sinh thái tự nhiên chưa bị suy thoái nhiều, phân hệ kinh tế có sự tăng trưởng cho cả doanh nghiệp và cộng đồng địa phương, phân hệ xã hội - nhân văn vẫn giữ được bản sắc văn hoá truyền thống, được tăng cường văn minh.

4. Kết luận

Việc nhận diện và xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá sẽ góp phần quan trọng tìm ra lời giải thỏa đáng, phù hợp để xây dựng và phát triển du lịch Đà Nẵng thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có đóng góp quan trọng trong cơ cấu GDP của Thành phố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hens L. (1998), *Tourism and Environment*, M.Sc. Course, Free University of Brussel, Belgium.
- [2] Machado A. (2003), *Tourism and Sustainable Development, Capacity Building for Tourism Development in VietNam*, VNAT and FUEDES, VietNam.
- [3] Phạm Trung Lương (2002), *Cơ sở khoa học và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu cấp nhà nước.
- [4] Lê Văn Thắng, Trần Anh Tuấn, Bùi Thị Thu (2004), *Giáo trình Du lịch và Môi trường*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [5] *Draft International Guidelines on Sustainable Tourism* (2002), CBD
- [6] Manning E.W. (1996), *Carrying Capacity and Environmental Indicators*, WTO News. June/1996.